TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-VĨNH LONG** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24-08-2026
"*V/v ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Sinh Huy
2. Bà Hà Hồng Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long tham gia phiên toà*:** Không.

Trong ngày 24 tháng 08 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2026/TLST-HNGĐ, ngày 04/05/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/07/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 278/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 06/08/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Ngọc T**, sinh năm 1979 (có mặt)

  Nơi cư trú: ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Hoàng M**, sinh năm 1974 (vắng mặt)

  Nơi cư trú: ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/04/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Ngọc T trình bày:

Qua mai mối năm 1999, nên bà và ông Nguyễn Hoàng M tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 1999 và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/06/2011 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (*Nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long*).

Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc kéo dài đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến với nhau về những việc trong

cuộc sống gia đình, vợ chồng không còn tiếng nói chung và sống không hạnh phúc. Do đó vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Từ lúc ly thân hai bên không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng M.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Hoàng S, sinh 12/01/2000 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/05/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Hoàng M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Ngọc T trình bày: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng M. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Hoàng S, sinh 12/01/2000 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/05/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Nguyên đơn anh bà Lê Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về "*Ly hôn*"; bị đơn ông Lê Hoàng M cư trú tại xã B, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Hoàng M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Ngọc T và ông Nguyễn Hoàng M có đăng ký kết hôn vào ngày 14/06/2011 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (*Nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long*), nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Lê Ngọc T trình bày: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc kéo dài đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến

với nhau về những việc trong cuộc sống gia đình, vợ chồng không còn tiếng nói chung và sống không hạnh phúc. Do đó vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Từ lúc ly thân hai bên không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng M.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng bà T, ông M đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*... Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm T quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

[2]. *Về con chung*: Bà Lê Ngọc T khai có con chung với ông Lê Hoàng M là Nguyễn Thị Hoàng S, sinh 12/01/2000 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/05/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Lê Ngọc T khai chưa yêu cầu, ông Lê Hoàng M cũng chưa có văn bản nào trình bày về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng M.

[2]. *Về con chung*: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Hoàng S, sinh 12/01/2000 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 14/05/2001 đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, về nợ chung*: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Bà Lê Ngọc T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007687, ngày 22/04/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long*;
- *VKSND khu vực 2 –Vĩnh Long*;
- *Phòng THADS khu vực 2-Vĩnh Long*;
- *UBND xã B, tỉnh Vĩnh Long*;
- *Các đương sự*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bảo